

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~408/~~ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~2/~~ tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung các Công văn số 6748/UBND-NN ngày 27/6/2016, số 10996/UBND-NN ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình vào dự án và chủ trương điều chỉnh dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão tại Tờ trình số 560/TTr-ĐĐ ngày 29/9/2016 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 3092/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 07/10/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh tại các Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009, số 1965/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 với tổng mức đầu tư 107.396 triệu đồng, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đầu tư theo Chương trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Đến nay, chủ đầu tư đã triển khai thi công hoàn thành và phê duyệt quyết toán đoạn từ K55+769÷K58+075; đoạn từ K58+075÷K61+870,9 đang triển khai thi công ước đạt khoảng 80% khối lượng; đoạn từ K61+870,9÷K62+676 chưa triển khai thi công.

2. Lý do điều chỉnh dự án:

Trong quá trình triển khai thực hiện, để phù hợp với thực tế, đảm bảo chất lượng công trình, tăng hiệu quả đầu tư của dự án cần thiết điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình, cụ thể: bổ sung tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn từ cống làng Phụng Khê, xã Hoằng Lưu đến đê sông Mã tại K62+676; gia cố mặt đường đoạn từ nhà anh Định đến đê sông Mã làm tuyến đường cứu hộ, cứu nạn và bổ tuyến đường thi công số 2 từ xã Hoằng Lưu lên đê sông Mã tại cống Hội Triều do đã được gia cố bằng bê tông từ năm 2014; các nội dung điều chỉnh, bổ sung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 6748/UBND-NN ngày 27/6/2016; mặt khác, do dự án được lập và phê duyệt đã lâu (năm 2009), đến nay giá nguyên, nhiên vật liệu và chế độ chính sách của nhà nước có nhiều thay đổi so với thời điểm phê duyệt dự án. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án trên là phù hợp và đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 10996/UBND-NN ngày 27/9/2016.

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

- Bổ sung tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn từ công làng Phụng Khê, xã Hoàng Lưu đến đê sông Mã tại K62+676 với tổng chiều dài $L = 3.471,68$ m, chiều rộng nền đường từ $(3,5 \div 4)$ m, hệ số mái $m = 1,5$. Mặt đường đoạn từ cọc C0 đến C52+25 với chiều dài $L = 2.678,58$ m hiện trạng là nền đất được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm, rộng $B = 3$ m, đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; đoạn từ cọc C52+25 đến cuối tuyến với chiều dài $L = 791,1$ m hiện trạng là đường cũ do nhân dân tự xây dựng (trong đó có 376,1 m bằng bê tông và 415 m nhựa bán thâm nhập), sau khi thi công hoàn thành tuyến đê được hoàn trả bằng bê tông thường (BTT) dày 20 cm rộng $B = 4$ m, dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 5 m cắt một khe lún sâu 17 cm và bố trí hoàn trả rãnh thoát nước bên tả bằng BTT, đỉnh rãnh thoát có tấm nắp bằng bê tông cốt thép kích thước $(B \times H \times L) = (64 \times 70 \times 15)$ cm; dọc theo chiều dài tuyến đường trung bình 500 m bố trí một bãi tránh xe. Đối với đoạn đường hiện trạng đã được nhân dân đầu tư gia cố bằng bê tông và nhựa, sau khi thi công hoàn thành tuyến đê phải được đánh giá cụ thể hiện trạng trước khi tiến hành hoàn trả.

- Bổ sung gia cố mặt đường đoạn từ nhà anh Định đến đê sông Mã làm tuyến đường cứu hộ, cứu nạn với tổng chiều dài $L = 1.610,6$ m. Trên cơ sở nền đường cũ là tuyến đường thi công của dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao và công dưới đê phục vụ nuôi trồng thủy sản, xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa do UBND huyện Hoàng Hóa là chủ đầu tư, nền đường được san gạt tạo phẳng, mặt đường được gia cố bằng BTT dày 20 cm rộng $B = 3$ m, dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 5 m cắt một khe lún sâu 17 cm, lề đường được đắp bằng đất núi đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

- Điều chỉnh bỏ tuyến đường thi công số 2 từ xã Hoàng Lưu lên đê sông Mã.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 118.719,8 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí bồi thường GPMB	5.110,0 triệu đồng;
Chi phí xây dựng	97.124,7 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	1.358,3 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	4.226,8 triệu đồng;
Chi phí khác	4.463,1 triệu đồng;
Chi phí dự phòng	6.436,9 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009, số 1965/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư (Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của nhà nước.

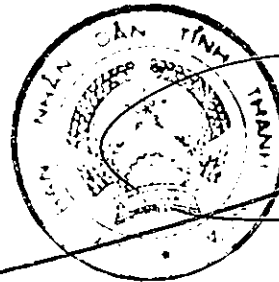
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

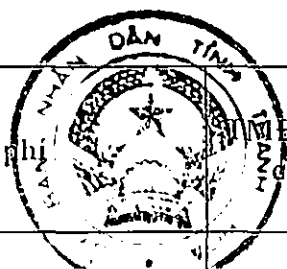
PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án đầu tư xây dựng công trình từ đê, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769 đến K62+676, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 4087/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	TMĐT điều chỉnh	TMĐT tại QĐ số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
I	Chi phí xây dựng	97.124,7	81.586	15.538,7
1	Chi phí xây dựng các hạng mục và thiết bị	89.334.670	73.796.000	15.538.670
2	Trồng cây chắn sóng	7.790.000	7.790.000	
II	Chi phí quản lý dự án	1.358,3	1.050	308,3
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.226,8	2.974	1.252,6
1	Chi phí lập dự án đầu tư	229.074	241.780	-12.706
2	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	313.796	251.410	62.386
3	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công	513.093	110.000	403.093
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	1.307.269	1.252.960	54.309
5	Chi phí lập điều chỉnh dự toán công trình	52.750		52.750
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	114.873	109.240	5.633
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	75.696	66.040	9.656
8	Lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	85.004		85.004
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.199.255	942.760	256.495
10	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	271.656		271.656
11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	64.349		64.349
IV	Chi phí khác	4.463,1	2.923	1.539,9
1	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	11.899	8.190	3.709
2	Chi phí thẩm định dự toán	33.908	8.160	25.748
3	Lệ phí thẩm định giá, tái thẩm định giá	9.258		9.258
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu	48.004	8.160	39.844
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	13.819	12.920	0.899
6	Bảo hiểm công trình	750.596	840.340	-89.744
7	Chi phí kiểm toán	448.926	186.650	262.276
8	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	144.427	134.680	9.747
9	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	150.394		150.394
10	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	4.300		4.300
11	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước	6.500		6.500



STT	Nội dung chi phí	TMĐT điều chỉnh	TMĐT tại QĐ số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
12	Phí bảo vệ môi trường và khai thác khoáng sản	146.197		146.197
13	Rà phá bom mìn, vật nổ	1.646.655	1.724.100	-77.445
14	Chi phí hạng mục chung	684.118		684.118
15	Chi phí điều tra, giám sát môi trường (873a/QĐ-ĐD)	364.067		364.067
V	Chi phí bồi thường GPMB (tạm tính)	5.110,0	9.100,0	-3.990,0
VI	Chi phí dự phòng	6.436,9	9.763,0	-3.326,1
	Tổng cộng	118.719,8	107.396	11.323,0